

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST
Ngày: 21-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 289/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST – DS ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty tài chính một thành viên ngân hàng VNTV; trụ sở: Tầng 2 tòa nhà Ree, số 9, đường ĐVB, Phường 12, Quận 4, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp: Ông DQD, sinh năm 1997; địa chỉ: 48 NHT, phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố HCM (theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019), có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà TTKT, sinh năm 1971; thường trú: 298A khu phố HP, phường HĐ, thành phố TA, tỉnh BD, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NVL, sinh năm 1968; trú tại: 298A khu phố HP, phường HĐ, thành phố TA, tỉnh BD, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/201 và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông ĐQD trình bày:

Ngày 24/6/2016, bà TTKT ký hợp đồng tín dụng số 20160629-500000-1227 với Công ty tài chính một thành viên ngân hàng NVTV vay số tiền 14.877.000 đồng; lãi suất 4.58%/tháng, trả chậm trong 24 tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận bà TTKT có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 24.835.000 đồng gồm cả gốc và lãi; 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.035.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.030.000 đồng, bắt đầu từ ngày 01/8/2016. Thực hiện hợp đồng bà TTKT đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty 07 lần tiền với tổng số tiền 7.245.000 đồng. Kể từ ngày 26/02/2017 đến nay bà TTKT chưa thanh toán khoản tiền nào theo thỏa thuận đã ký kết.

Nay Công ty tài chính một thành viên ngân hàng VNTV yêu cầu bà TTKT trả số tiền 17.590.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 12.037.960 đồng, toàn bộ khoản tiền nợ lãi 5.552.040 đồng.

Tại văn bản ngày 01/4/2020 người đại diện của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, nợ trong hạn giữ nguyên theo đơn khởi kiện. Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả thì hành án sau ngày tòa án xét xử thì yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 20160629-500000-1227 ngày 24/6/2016; văn bản thỏa thuận (V/v tất toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới); Công văn số 5657/BĐVN – TTĐS ngày 23/12/2019 của Tổng công ty bưu điện Việt Nam về việc giải ngân cho khách hàng của VPBFC.

Bị đơn bà TTKT trình bày: Bà Thủy thống nhất đơn khởi kiện của ngân hàng nhưng hiện nay bà bị tiểu đường thời kỳ cuối không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đề nghị ngân hàng cho một thời gian để bán nhà trả nợ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NVL không có văn bản trình bày và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành pháp luật chưa đầy đủ.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà TTKT có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 298A khu phố HP, phường HĐ, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại

Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty tài chính một thành viên ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà TTKT thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 17.590.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 12.037.960 đồng, toàn bộ khoản tiền nợ lãi trong hạn là 5.552.040 đồng theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số số 20160629-500000-1227 và phê duyệt Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; Văn bản thỏa thuận (V/v tất toán hợp đồng tín dụng trước thời hạn và nhận nợ khoản vay mới); Công văn số 5657/BĐVN – TTĐS ngày 23/12/2019 của Tổng công ty bưu điện Việt Nam về việc giải ngân cho khách hàng của VPBFC. Bị đơn bà T thừa nhận việc vay nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 22/3/2014 thì bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo định kỳ, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại văn bản ngày 01/4/2020 người đại diện của nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, nợ trong hạn giữ nguyên theo đơn khởi kiện. Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả thì hành án sau ngày tòa án xét xử thì yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính một thành viên ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đối với bị đơn bà Trương Thị Kim Thủy.

Buộc bà TTKT phải trả cho Công ty tài chính một thành viên ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 12.037.960 đồng (mười hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng), nợ lãi 5.552.040 đồng (năm triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng), tổng cộng 17.590.000 đồng (mười bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà TTKT phải chịu 879.500 đồng (tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty tài chính một thành viên ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 879.500 đồng (tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0036610 ngày 09/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm